

ĐẠO TRƯỜNG NGÂM

Phần I - Nguyên Tác

- 1/ Một vòng không đáy đáy sinh người
Ngoảnh lại trông đi mấy việt (*) khơi
Thường vậy vô danh vắng vắng
Mà nay hữu thực bồi-bồi.
Tiết gìn thiên cổ tình khôn giải
Óc tính trăm năm gan dễ phơi
Khép mở hồng hoang vẫn chuyển mãi
Duy nhiên khoáy động ba nghìn trời.
- 2/ Ba nghìn trời một khoáy thấy đâu.
Đám bụi trần ai đã đục ngẫu
Sách hóa trắng tinh không một chữ
Gậy thần đốt trúc có hai đầu.
Sông Thao nước cuốn bên bồi lở
Núi Tản mây vẫn độ bể dâu
Đông Tây một nhẽ xuyên kim cổ
Vũ trụ huyền-hoàng mỗi Lạc Âu.
- 3/ Mỗi Lạc Âu gỡ chải bao giờ
Bơn cát nghìn tre gió phất-phơ
Trúc lựa đã dày phen trĩ loạn
Son xanh còn chiếu dạ hơn thua.
Cương thường chấp nối hai kiếp lại
Văn vũ trĩ trương một nguyện xưa
Hỗn độn đã dày công mang mở
Chờn thây cho mưa nắng hững hờ.
- 4/ Nắng mưa tâm sự ở trên đời
Tạo hóa như không lọ có trời
Đồng Trung Hoa đến mang làm cột
Máy Pháp Lan sang để chém người.
Đạo nghĩa gớm cho quân lợm khẩu
Nhân quyền khiếp cả lũ xanh người
Ngẫm xem muôn vật đều đặc ý
Rẽ rạch Hồng Bàng tính cổ thời.
- 5/Tính cổ thời ngày một đi đi
Trách ai cát cứ gọi Hoa Di
Cỏ xanh kia lấy bạo thay bạo
Gạch tía này sượng chi khổ chi.
Sự tích thôi đành hươu quạ
Sinh linh thế ấy phân ly
Xuân thu dớm hỏi bởi vì vị
Hay bởi xuân thu bởi vì vị.
- 6/ Bởi chút vị vì tìm lẽ đời
Ba sinh còn hồn mộng đôi nơi
Giang sơn dựng thưở ai tát bể
Quan lữ gây từ kẻ trụ trời.
Tác giả vô danh là gốc đạo
Noãn bào trăm họ ấy giếng người
Đẩy dòng nước băng băng chảy mãi
Chớp bể mưa nguồn nào có ngơi.
- 7/ Chớp bể mưa nguồn kéo khắp miền
Sá chi tắm gội, sá truân chuyên
Bút nghiên đèn sách đều sai lạc
Kim cổ, Đông Tây cũng hão huyền.
Ví biết lửa hương tìm chấp nối
Là hay vàng đá để trao truyền
Văn minh nghĩ kỹ còn nhiều việc
Đem cả muôn loài lên Duy Nhiên.

Thái Dịch LĐA - 4822 T.V.

(*) Có bản chép là: "vượt".

Phần II - Chú Giải

A. Giải Nghĩa Những Chữ Khó

Đạo: đường đi, lối bước. Đạo lý là một cái lẽ nhất định ai cũng phải noi đấng mà theo như: nhân đạo là đạo làm người, vương đạo là đạo lý của bậc vương giả, bá đạo là đạo lý của bá giả (nhân nghĩa giả). Các nhà truyền giáo đem cái lẽ hay trong giáo mình nói cho người biết mà gọi là truyền đạo. Đạo tràng: Nơi tu đạo, nơi làm lễ cầu cúng. Đạo giáo: Tôn giáo thờ ông Lão Tử làm tiên sư. Chữ Đạo ở đây có nghĩa là đạo làm người.

Trường Ngâm: Trường là dài, ngâm là một thể cách trình diễn bài thơ bằng âm thanh giống như ca hát vậy. Nói chung *Đạo Trường Ngâm* là một khúc ngâm dài nói về đạo.

Một vòng không đáy: Là một cái vòng tròn tưởng tượng để hình dung ra ý nghĩa mà giải thích danh từ "vũ trụ". Vì trên bản thể của cái vòng tròn là đường không có đầu mối. Không biết chỗ nào là nơi khởi đầu, cũng như không có chỗ nào là chỗ tận cùng. Đứng với quan niệm nhà Phật trong câu "*Vô cùng duyên khởi*" - "*Vô hạn cứu cánh*" để nói cái đặc tính của thời gian + không gian tức là vũ trụ vậy. Cũng như quan điểm của khoa học ngày nay về vũ trụ.

Cái vòng lại không đáy: Đến bể rộng mênh mông không bờ không bến mà còn có đáy. Ở đây cái vòng không trước không sau lại không cả đáy nữa, thế là chẳng dính líu, vướng vít vào đâu cả, ấy là nói cái nghĩa của chữ "*vô nguyên*" tức là vũ trụ vô nguyên.

Sao đã nói không đáy, lại nói đáy sinh người? Không mà trở nên có, đó là cái lý "*chân không diệu hữu của nhà Phật*", nghĩa là từ cái vũ trụ vô nguyên sinh ra con người nhất nguyên.

Con người sống trong cộng đồng nhân loại là một. Song trong đại đồng có tiểu dị; từng dân tộc, từng địa phương, từng nếp sống trong xã hội phức tạp nên loài người trở thành xã hội đa nguyên.

Vô nguyên - Nhất nguyên - Đa nguyên

Đó là những nguyên lý của: Đạo Trời, Đạo Người và Đạo Đất, nói chung là Tam Tài.

Ngoảnh lại: Nhìn về quá khứ, về dĩ vãng.

Trông đi: Nhìn về tương lai: dĩ vãng + tương lai - nghĩa là xưa và nay tức là thời gian. Định nghĩa của chữ trụ ("*vãng cổ lai kim vị chi trụ*").

Việt hay vượt: là vượt lên, vượt ra ngoài không gian (bốn phương). Chữ "khơi" nghĩa là cao sâu (thượng hạ). Định nghĩa chữ "vũ" ("*tứ phương thượng hạ chi vũ*") theo Hoài Nam Tử. Cả câu "*Ngoảnh lại trông đi mấy việt khơi*" có nghĩa là tìm hiểu về cái bản thể của vũ trụ, thời gian + không gian.

Thường vậy: thường hằng, không thay đổi, không biến chuyển suy suyển, v.v...

Vô danh: Không tiếng nói, không tên gọi, có nghĩa như lời Lão Tử "Đạo mà có thể nói, có thể gọi bằng tên này tên nọ thì không phải là đạo thường hằng" (*Đạo khả đạo phi thường đạo. Danh khả danh phi thường danh*).

Hữu thực: Có thực.

Bồi bồi: Nhiều, tươi tốt, như "*luá tốt bồi bồi*".

Nói vô danh mà còn nghe vắng vắng, nghĩa là trong cái không có cái có, có một cách nhiều, tươi tốt là khác. Đó là định nghĩa cái thực chất của vũ trụ.

Tiết: Nghĩa đen là cái đốt tre, nghĩa rộng là những hiện tượng hiển nhiên ta có thể thấy được như "*Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình*". Ở trên trời gọi là tượng như mặt trời, trăng sao, v.v... Ở dưới đất gọi là hình như sông, núi, cỏ cây, vạn vật. Nói "*Tiết gìn thiên cổ*" là nói cái hình tượng trong trời đất từ muôn xưa vẫn gìn giữ thường hằng.

Tình: Là những cái tiềm ẩn ở trong không thể thấy, nhìn bằng con mắt thường thức được mà phải tìm biết bằng khối óc suy tư của con người. Tuy nhiên, con người dù cuộc sống có hạn trong khoảng trăm năm, có thể có bộ óc thông minh mà tính toán tìm ra những nguyên lý này, những quy luật kia. Lấy gan can đảm khám phá vũ trụ, phơi bày ra những điều bí mật của tự nhiên, cho nên thơ nói: "*Óc tính trăm năm gan để phơi*".

Hai câu thơ cho thấy con người từ cổ xưa đến nay vẫn không ngừng suy nghĩ và xúc cảm.

Khép: Đóng cửa, nghĩa của chữ "hạp". *Mở* = mở cửa, nghĩa của chữ "tịch".

Kinh Dịch: “*nhất hạp nhất tịch vị chi đạo*” (một đóng một mở gọi là đạo).

Hồng hoang: Trạng thái hoang vu, bao la rộng lớn đó là thuở chưa phân âm dương chưa gọi là trời đất.

Duy nhiên: danh từ triết học nói về tự nhiên vũ trụ.

Khuấy động: Chỉ sự chuyển động của tự nhiên.

Ba ngàn trời: Theo đạo Phật thì vũ trụ gồm có ba ngàn đại thiên thế giới (“*tam thiên đại thiên thế giới*”). Tức đại vũ trụ.

Trần ai: Thế gian, thế giới nơi loài người ở.

Sách hóa, Gậy thần: Hai thần vật của Tản Viên Sơn thánh (xem phụ lục sau).

Sông Thao: Lưu vực sông Hồng Hà thuộc địa giới phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Bể dâu: Bể xanh biển làm ruộng dâu (“*Thương hải biến vi tang điền*”) nói về sự đổi thay, biến dịch.

Huyền hoàng: Trạng thái mịt mù và trời đất thuở hỗn mang.

Lạc Âu: Tên gọi của dân tộc Việt. Lạc – Việt, Âu Việt, Âu Lạc, v.v...

Bơn cát: Bãi cát nổi lên ngoài bể.

Trúc lụạ: Hay trúc bạch, tre và lụạ khi xưa. Đoàn quân chiến thắng ca khúc khải hoàn, người ta ghi những chiến công lên giải lụạ buộc trên cầu tre dài để nêu cao chiến công hiển hách. Làm vẻ vang cuộc chiến đấu và vinh dự cho người lập công. Nói “*đã dày phen trị loạn*” là nói trong quá trình đất nước, bình trị để yên dân và xây dựng hòa bình.

Son xanh. Son: Một thứ đá màu đỏ mài ra mà viết chữ đỏ tươi đẹp. Nét son có giá trị cao quý ngang nét vàng để ghi công đầu việc tốt trong sử sách.
Xanh: Tre xanh, người xưa chưa có giấy, chẻ tre làm thẻ khắc chữ trên vỏ xanh của tre để chép sử ký, người ta thường gọi là sử xanh.

Cương thường. Cương là giềng mối, là trật tự xã hội. *Thường*: Năm đạo thường là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là đạo của con người đối đãi với nhau trong gia đình xã hội.

Hai kiếp: Người ở kiếp hiện tại ngoảnh nhìn về kiếp quá khứ. Trông về kiếp tương lai là hai kiếp ở trước và sau của mình. Nối hai kiếp trước sau với hiện tại của mình là ba kiếp thành một vòng tiến hóa phát triển nên lịch sử.

Văn vũ. *Văn:* Như phong tục tập quán, tư tưởng, văn chương, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, v.v... *Vũ:* như quân sự, lược thao quốc phòng.

Trì trượng: Gìn giữ và phát huy ra.

Hỗn độn: Trạng thái lúc chưa phân ra trời đất, âm dương.

Chờn: Thái độ thờ ơ, mặc kệ; *chờn thây ý* nói chẳng ra gì.

Tạo hóa: Như những tiếng: Hóa công, trẻ tạo, con tạo, nói về quyền năng thượng đế.

Lọ: Tiếng lóng, nghĩa như chữ sai, không đúng, lỗ bịch, gần đây như chữ quê.

Đồng China: Cột đồng do Mã Viện trồng ở biên giới Hoa Việt.

Máy Pháp Lan: Máy chém của Pháp.

Nhân quyền: Quyền làm người, cuộc cách mạng Pháp 1789 mệnh danh là cuộc cách mạng nhân quyền.

Xanh người: Người Pháp có con mắt xanh.

Hồng Bàng: Danh hiệu đầu tiên của dân tộc Việt ghi trong trang đầu sử.

Hoa Di: Người Tàu cát cứ, chiếm lĩnh phần lớn, tự nhận mình là Hoa coi các dân nhược tiểu là Di.

Cỏ xanh: Ví như kẻ yếu (dân nhược tiểu).

Gạch tía: Do chữ lâu son gác tía. Gạch tía tượng trưng quyền hành vua chúa.

Tử khuyệt: Cửa tía, cung vua.

Sinh linh: Nói về quần chúng.

Xuân Thu: Tên hai mùa của một năm, một năm có 4 mùa. Theo thời tiết trong năm thì mùa Đông ngày ngắn đêm dài, mùa Hạ ngày dài đêm ngắn, chỉ có mùa Xuân, Thu có nghĩa như hòa bình, công bằng. Khổng Tử làm kinh Xuân Thu lấy tư cách công bằng mà khen chê, phân biệt thiện, ác của các vua chúa, bênh vực quyền dân.

Vị vị. Chữ "Vị", bình thanh đọc là *vì*, khứ thanh đọc là *vị*. *Vị* là *vị* tha. *Vì* là *vì* người khác mà hành động.

Tát bể: Huyền thoại nói về thần tát bể. Thuở chưa có trời đất thì tất cả là một bể nước. Lúc đó có ông vô danh ra tay tát với nước biển cho trật ra những

sông, những núi, đất đai, biên cương, lãnh thổ để xây dựng nên quốc gia. Truyện “thần trụ trời” cũng thế. Thuở còn là một khối lớn hỗn mang, chưa phân biệt âm dương, trời đất, lúc đó có ông (vô danh) lấy đá làm cột chống đẩy khí dương lên cao khỏi mặt đất để cho trời mãi mãi ở trên cao, giành khoảng giữa mà đội trời đạp đất ở đời.

Noãn bào: Bọc trứng. Từ bọc trứng bà Âu Cơ sinh ra trăm con. Trăm con trở thành trăm họ (bách tính). Tóm lại trong ý nghĩa “*Cái vòng không đáy*” (vô nguyên) sinh ra con người (nhất nguyên). Bọc trứng (nhất nguyên) sinh ra trăm con, trăm họ (đa nguyên). Đó là nguyên lý của Đạo. “*Đẩy dòng nước bằng băng chảy mãi*”, nay là định lý biến dịch của vũ trụ. Khổng Tử đứng nhìn dòng nước chảy đã than rằng: Chảy mãi như thế kia ư? Không ngớt ngày đêm (“*Thệ giả như tư phù? Bất xả trú dạ*”).

Chớp bể mưa nguồn: Hiện tượng của tự nhiên vận động. Chớp là ánh lửa; bể ở về phía Đông Nam. Lửa sinh ra từ phương Nam. Tượng của lửa là quẻ Ly thuộc dương là (Đạo Trời) hướng Nam cung Ngọ. Đổi lại “mưa nguồn”: Mưa là nước, nước sinh ra từ phương Bắc, tượng của nước là quẻ Khảm, thuộc âm (Đạo Đất) phương Bắc cung Tý. Những yếu tố trên đây là những thành phần cốt yếu trong guồng máy hóa (hóa cơ) của vũ trụ, vận động xoay vần không ngừng, “*Nam Bắc không ngừng xoay Tý – Ngọ*”. Ở đây ý nói biến động nổi lên trong miền [Đông Nam Á] tác giả không quản khó nhọc để làm việc.

Lửa hương: Không có lửa sao có khói (hương). Hai câu: “*Ví biết lửa hương tìm chấp nổi. Là hay vàng đá để trao truyền*” có ý nói nếu biết chấp nổi khói và lửa thì biết được những gì tiền nhân trao truyền lại mà tiếp nối.

B. Đại Ý Tổng Quát

Nội dung khúc Trường Ngâm nói về Đạo, tức Đạo làm người ở giữa đạo Trời và đạo Đất. “*Hữu thiên đạo yên, hữu nhân đạo yên, hữu địa đạo yên. Kiêm Tam Tài nhi lưỡng chi cố lục, lục gia phi tha, Tam Tài chi đạo dã*” (Dịch Hệ Hạ) “*Có Đạo Trời, có đạo Người, có đạo Đất, gồm Tam Tài mà gấp đôi lên thành sáu. Sáu đó chẳng phải cái gì khác mà là Đạo Tam Tài vậy*”.

“Con người phải ăn ở sao cho có trước có sau”, lời tiền nhân dạy thế. Trong nội dung ý nghĩa bài này cũng không ngoài lời nói vàng ngọc của người xưa. Cho nên con người trước nhất phải tìm ra cho mình một vũ trụ quan, nghĩa là tìm ra cái căn để của vũ trụ. Sau nữa phải tìm biết cái nguồn gốc của chính mình để mà biết cái trách nhiệm của mình ở đời phải nên như thế nào? Đó là cái đại ý của bảy đoạn thơ trong ngâm khúc này.

Đoạn 1.- Tìm hiểu nguồn gốc Đạo qua nhận thức vũ trụ quan.

Đoạn 2.- Từ Đạo Tam Tài (Trời, Đất, Người) trong đó có nguồn gốc dân tộc Việt.

Đoạn 3.- Nguồn sử Việt.

Đoạn 4.- Lịch sử Việt bị ngưng trệ bởi dã tâm ngoại bang (nhất là nòi Hán xâm lược áp bức).

Đoạn 5.- Những diễn biến đau nhức của dân tộc.

Đoạn 6.- Trách nhiệm của tác giả đối với lịch sử – Thời đại tìm một hướng đi lên.

Đoạn 7.- Nhất tâm hồi hướng.

C . Ý Nghĩa Chi Tiết - Tìm Học Đạo Trời Đất

Đem cái vòng không đáy là một hữu hình để giải thích vũ trụ siêu hình mà tìm ra cái nghĩa tương đối. Bởi trên cái đường tròn quay kia, chẳng thấy chỗ nào là chỗ khởi điểm, mà cũng chẳng thấy chỗ nào là chỗ kết thúc. Nhận thức này đã phù hợp với nghĩa câu nói: “*vô cùng duyên khởi, vô hạn cứu cánh*” của nhà Phật. Đã nói cái vòng không đáy mà còn nói đáy sinh người, đó là nói lên cái lẽ: Con người cũng như muôn vật đều từ tự nhiên mà có. Từ không đáy (vô nguyên) sinh ra diệu hữu là “nhất nguyên” để rồi con người sống trong xã hội loài người là “đa nguyên”, đó là nguyên lý của Đạo.

Ngoảnh lại dĩ vãng (cổ), trông đi về tương lai (kim), vượt ra ngoài không gian trên dưới (khởi vơi). Câu nhập đề đã nói lên cả toàn thể của vũ trụ bằng: không gian cộng thời gian, cũng đã phù hợp với ý kiến của Hoài Nam Tử “*Vãng cổ lai kim vị chi TRỤ – Tứ phương thượng hạ vị chi VŨ*”.

Đạo của Trời Đất là thường hằng; không thể lấy một tiếng, một tên gì mà gọi lên được cái đạo tính thường hằng ấy. Tuy nhiên, nó vẫn vắng vắng ở khắp mọi nơi, tràn ngập khắp mọi nẻo và bờ cõi, tươi tốt trong sức sống của vạn vật.

Nói về tình tiết của Đạo: *Tiết* là cái gì hiện ra ngoài mặt người ta có thể thấy được. Như ánh sáng của tam quang (nhật, nguyệt, tinh): “*Tại thiên thành tượng*”. Như núi, sông, rừng, biển: “*Tại địa thành hình*”. Những hiện tượng này được gìn giữ từ thiên cổ bằng cách tự nhiên. Còn về “*tình*” tức là cái gì tiềm ẩn, ở trong đó là cái huyền bí của tự nhiên, khó có thể giải bày được. Tuy

nhiên với bộ óc thông minh suy tính, con người trong khoảng trăm năm có thể lấy gan óc phơi bày những điều khám phá vũ trụ của mình được.

Đạo của trời đất là một guồng máy; một đóng, một mở mà vận chuyển mãi không ngừng (*nhất hạp nhất tịch vị chi đạo*) sức chuyển động như một cái khoá xoay tròn, cuốn lôi vạn vật theo chiều tự nhiên loang rộng ra cả ba ngàn thế giới gọi là *duy nhiên*.

Ba ngàn trời (Tam thiên đại thế giới) từ một khoá loang rộng ra, nhưng ai đã thấy được một khoá ấy ở đâu? Vì nó là sức tự nhiên vận động, nó là những quy luật của vũ trụ. Tóm lại nó là Đạo ở trên thiên giới. Vì là siêu hình không thấy được đã đành, đến như ở cõi trần giới hữu hình, sẽ thấy được cũng chỉ thấy đám bụi trần ai đục ngầu mờ mịt mà thôi.

Đạo trời đất vi diệu là nhường ấy. Tuy vậy cũng có cách để khám phá tìm hiểu để biết được cái bản thể của vũ trụ, cũng có cách để áp dụng những quy luật vũ trụ vào đời sống xã hội loài người.

Cách đó chính là hai thần vật: Sách hóa và Gậy thần. "*Sách hóa trắng tinh không một chữ*" là biểu tượng phần bản thể, là "vô nguyên" là "không đáy"; "*Gậy thần đốt trúc có hai đầu*" là phần diệu dụng, là hữu nguyên, có không, sinh diệt; Hai vật thần này nằm trong tay Tản Viên Sơn Thánh (xem phần phụ lục nói rõ). Ngoài ra trần gian còn có thể thấy mà suy nghiệm ra những nét biến dịch của Đạo như: Dòng nước cuốn chảy giữa sông Thao làm ra có bên lở và bên bồi; áng mây vờn trên non Tản sẽ đưa đến sự kiện là bể xanh biến thành bãi dâu. Cái định luật ấy qua suốt từ kim cổ sang đông tây cùng một lẽ đó, và cũng do lẽ đó từ trong vũ trụ huyền hoàng để nảy ra đầu mối Lạc Âu là nguồn gốc của dân tộc Lạc Âu Việt.

Cho đến hôm nay, ngược dòng thời gian tìm về đầu nguồn cội gốc, dần tới đầu mối Lạc Âu, xem chừng còn nhiều rối ren, phải gỡ chài thế nào để lần ra chỗ đầu mối. Từ bao giờ?

Hình ảnh những bờ cát, nơi đầu ghềnh mặt bãi, đã là những nơi chôn nhau cắt rốn của dân tộc thuở còn làm nghề đánh cá? Cho đến những ngàn tre, trong đó có những xóm, thôn, làng, bản là thời kỳ nếp sống đã tiến dần tới trình độ tương đối có tổ chức hơn. Cho nên gọi là *Văn Làng* là những làng có nếp sống văn hóa. Đến hôm nay, các làng quê hương miền Bắc đều có lũy tre xanh bao bọc, đó là di sản ngàn tre từ buổi *Văn Làng* để lại.

Từ những thời kỳ bôn cát đến ngàn tre, ba chữ “gió phất phơ” đã gói ghém mọi sinh hoạt, nói lên cái động lực chủ yếu trong guồng máy vận chuyển của hóa cơ (máy tạo hóa) đem lại những phát triển này, phát triển nọ. Bằng những nét ghi công trên trúc lụ, kể biết bao phen và bao công trình trị loạn, những nét son xanh còn chiếu ra những cuộc tranh đấu được thua sáng ngời gan dạ.

Ai đã đem kỹ cương, giềng mối xây dựng nên non sông bờ cõi này? Để truyền nối tiếp theo thế hệ này qua thế hệ khác một truyền thống vững bền với nền văn nếp vũ được duy trì và khoáng trướng ra một ý nguyện sống, còn, nối tiến, hóa của dân tộc.

Từ thuở hỗn mang cho tới nay, biết bao công trình xây dựng. Dù cho mưa nắng hững hờ, song ý chí sắt đá với tình yêu bao la của giống nòi vẫn kiên trì gắn bó.

Nắng mưa là thời tiết thất thường của trời đất; mừng giận là tâm trạng thất thường của con người. Khi tâm trạng con người cảm thấy bất bình trước những bất công tàn bạo ở trên đời như: Đồng của dân Việt thế mà Mã Viện (China) đến vơ vét mang ra biên giới dựng làm cột. Để làm gì? Huênh hoang khoe công xâm lược của mình với ai? Thách đố gì với dân Việt? Đã có những câu trả lời đích đáng: “*Đồng trụ chí kim đài dĩ lục; Đãng giang tự cổ huyết do (lưu) hồng*”, tạm dịch: *Cột đồng đã lấp râu xanh, sông Đãng máu Hán hôi tanh đục ngầu.*

Máy chém của Pháp Lan Tây đưa sang để chém người Việt yêu nước! Thật là bất công như thế hỏi rằng có tạo hóa hay không? Nói có trời là lạ!!! Nói ý dân là ý trời, những kẻ biết trọng ý dân là biết tôn kính ý trời. Còn những kẻ đã coi ý dân như không, tất nhiên cũng coi tạo hóa như không. Còn trời đất gì nữa? Cho nên có những hành động bạo ngược, dã man như bọn dựng cột đồng, đem máy chém, làm cho trời đất cũng bất bình, qua những cơn mưa hờn nắng giận khiến cho vạn vật phải bất đắc ý. Ngẫm cho kỹ, nếu muốn thấy muôn vật đều đắc ý thì hãy quay trở lại rẽ rạch tìm về thời Hồng Bàng sẽ thấy được cái tính *cổ thời* tức là cái tính bản nhiên thiên mệnh của người xưa, đó là cái tính bản thiện vậy. Chứ còn như bây giờ? Đạo nghĩa gì phường ăn xuôi nói ngược không biết lợm khẩu. Nhân quyền gì? Cuộc cách mạng 1789 mệnh danh là nhân quyền. Biết đòi nhân quyền cho mình sao lại đi đàn áp nhân quyền người khác? Thật là ghê tởm, khiếp cho lũ xanh người.

Con người khi đã đánh mất đi cái tính *cổ thời* tức là cái tính *bản nhiên* do thiên mệnh của mình, lúc đó chỉ còn lại thú tính là cái tính muông thú. Loài muông

thú thì con nào lớn mạnh coi những con nhỏ bé là những cái mồi ngon của mình, vồ, bắt, cấu, xé là cái thể của con mạnh; né tránh, thủ thân, chạy trốn là cái thể của con nhỏ yếu, âu cũng là lẽ tự nhiên.

Trách ai cát cứ, cậy mình là lớn mạnh phân biệt ra, nào là Nam Man, Bắc Địch, Đông Di, Tây Nhung, gọi chung là tứ Di. Cậy mình là Trung Hoa, nghĩa là trung tâm tinh hoa hợp lại? Còn bốn phương chung quanh đều là mọi rợ?

Lại nữa kẻ lớn mạnh ví mình như sức gió bão, coi kẻ khác như đám cỏ non, gió thổi trên cỏ, cỏ phải gục đầu cúi rạp mình xuống? Nhưng mà những đám cỏ xanh kia coi gió bão là kẻ tàn bạo đè lên thân phận mình, hết trận này đến trận khác, mình chẳng qua chỉ phải đón lấy cái bạo này thay cho cái bạo khác, để nó vùi dập lên mình. Còn đối với cái gạch tía này là những lều son gác tía, *đan tri, tử khuyết* tượng trưng cho *oai quyền đế bá*, có đem cho mình cái sướng gì đâu? Chỉ là khổ đấy thôi.

Ôi thôi sự tích! Đành coi như là hươu quạ. Những tính chất căm thù kia hỏi còn có đạo đức gì? Chỉ là khổ cho nhân dân ta sống trong cảnh đô hộ phải chịu lầm than áp bức. Bởi tình thế ấy mà phải chia lìa phân tán, thật đáng buồn!

Đứng trước cảnh kỷ cương rối loạn đạo lý lu mờ, con người đội trời đạp đất mang tính cách Xuân Thu phải nên hành động thế nào? Hãy thử hỏi Khổng Tử rằng: Sáng tác kinh Xuân Thu để vì quyền vị của bọn vua chúa kia mà chuyên chế, hay là vì nhân dân mà thẳng thắn phân biệt thiện, ác bày tỏ công bằng trên nét bút khen chê? Hay là bởi tính chất Xuân Thu ở địa vị con người ra tay "*tham tán hóa dục*" giúp sức hoằng hóa đạo hiếu sinh của trời đất mà nuôi sống muôn loài?

Giác ngộ đạo Xuân Thu trên cương vị con người, vì Đạo vì Đời, tác giả tuyên bố: "*Bởi chút vị vì tìm lẽ đời, Ba sinh còn hồn mộng đôi nơi*". Tìm lẽ đời tức là tìm ra một lý tưởng sống cho đời. Trong kiếp ba sinh, mình luôn luôn để hồn mộng về đôi nơi, dĩ vãng và tương lai. Dĩ vãng đòi ở ta những gì? Sự nghiệp vẻ vang của tiền nhân trong bao kiếp trước, đã dày công gian lao, gan óc, nước mắt và mồ hôi, đời ta phải gắng sức nối tiếp; tương lai đương chờ ở ta những gì? Một sức sống mãnh liệt, một nếp sống cao thượng và một đường sống văn minh hướng thượng phù hợp với đà tiến hóa của loài người.

Muốn tìm ra một lẽ sống trước hết phải tìm ra lẽ biết. Vì có biết mới sống được. Biết cái môi trường sống để mà sống, tức là biết cái gốc đày của trời đất trong đó đã sinh ra loài người, cá nhân và xã hội.

Biết cái chốt trục làm căn cứ tối cao để mà ràng buộc cái đầu mỗi quan hệ giữa vũ trụ nhân sinh, vạn vật cho yên định cuộc sống.

Trong ý nghĩa huyền thoại “*ông tát bể, ông trụ trời*” đã khơi mở cho ta biết những cái cần biết do yêu cầu trên. Bởi có ông tát biển mới có giang sơn bờ cõi, bởi có ông trụ trời mới có trời cao đất dày có mối liên hệ (quan hệ) tương quan giữa đất trời và loài người (Tam Tài).

Trong đoạn 6 của bài thơ này, tác giả lần ra một đầu mối tư duy, dựng nên hệ thống triết học để làm lẽ sống cho đời. Ý nghĩa huyền thoại làm phương tiện cho ta đi tìm cái nguyên nhân căn cứ của vũ trụ để mà tìm ra cái chân lý tuyệt đối. Trong hai câu 3, 4 (thực) tác giả dẫn ý nghĩa huyền thoại cho ta thấy được cái nguyên nhân dựng nên vũ trụ là do “người” chứ chẳng phải do thần, do tâm hay do vật mà ra. Như vậy “người” là căn cứ tối cao của hệ thống tư duy: “Người” là tiền đề tối định cho mọi hiểu biết về chân lý tuyệt đối. Nói *trời đất sinh thành* là nói cái *luật tắc tự nhiên*. Nói *con người dựng nên trời đất* là nói cái lý “*nhân chủ*” trong triết lý “tam tài”. Vì con người ở giữa, đội trời đạp đất để ở đời. Luật tắc hay lý cũng là nguyên nhân tương hỗ mà trở nên mối giềng quan lữ vậy.

Câu 5 (luận 1): Tìm về nguồn gốc của đạo, theo Lão Tử: “Đạo là cái gì rộng lớn bao la trong khắp trời đất, không đâu là không có cái đó gọi là vô danh”. Cái vô danh ấy có trước cả trời đất (*vô danh thị thiên địa chi thủy*). Ở đây ngay đầu câu thơ lại viết: “*Tác giả vô danh là gốc đạo*” nghĩa là “Những người sáng tác là vô danh, đó chính là gốc của đạo”. Điều này xác nhận “NGƯỜI LÀ GỐC ĐẠO”. Xác nhận như thế không những phù hợp với ý huyền thoại mà còn phù hợp cả với lời của Lão Tử nữa. Vì Lão Tử nói: Vô danh có trước trời đất, mà đất trời lại có sau ông tát bể và ông trụ trời. Người là gốc đạo, còn đúng với điều nhận thức của nhà Nho nữa là “người có khả năng mở rộng đạo, chứ chẳng phải đạo có khả năng mở rộng con người” (*Nhân năng hoảng đạo, phi đạo hoảng nhân*).

Điểm sơ qua từ câu 3, 4, 5, con người dựng nên trời đất để mình ở khoảng giữa làm chủ cái thế tam tài (Dịch nói Đạo Tam Tài) mà người là gốc đạo.

Tìm về nguyên lý của Đạo Tam Tài thì:

Vô nguyên là nguyên lý của đạo *tự nhiên* (Trời)

Nhất nguyên là nguyên lý của đạo “*nhân bản*” (Người).

Đa nguyên là nguyên lý của đạo *xã hội* trần gian (Đất).

Tìm về liên hệ, mối quan hệ của Đạo Tam Tài:

Vô nguyên sinh nhất nguyên. Nhất nguyên sinh đa nguyên. Nói rõ cái nguyên lý nhất nguyên sinh đa nguyên ở câu 6. Từ một bọc nhất nguyên là một bọc trứng (noãn bào), trong cái bọc nhất nguyên kia đã chứa sẵn cái mầm đa nguyên (trăm trứng) để rồi nở ra trăm con, lớn lên thành trăm họ làm kỷ cương, giềng mối cho tổ chức xã hội ("*Noãn bào trăm họ ấy giềng người*"). Tổ chức xã hội đa nguyên kia đã xuất phát từ trong cái bọc nhất nguyên mà ra.

Khám phá vũ trụ, tìm ra chân lý tuyệt đối làm căn cứ tối cao của hệ thống tư duy. Tìm ra cái gốc của đạo trời, đạo người, đạo đất để yên định vị trí độc tôn của NGƯỜI ("*Nhất nguyên tóm lại ngôi Hoàng cực*"). Tìm ra điều xuất phát tối sơ của xã hội loài người, để vững bước trên đường văn minh, tiến bộ. Đó là lẽ đời mà cũng là lẽ trời do tác giả với trách nhiệm "vị vè" đã nêu ra. Tuy nhiên lẽ trời là guồng máy tiến hóa không ngừng như dòng nước chảy suốt ngày đêm không thôi (*Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ* - Khổng Tử).

*"Đẩy dòng nước bằng băng chảy mãi
Chớp biển mưa nguồn nào có ngơi".*

Để Kết Luận (Hồi Hương Công Đức)

Những nguyên lý của Đạo Tam Tài đã thành tựu ở đoạn 6, được chuyển tiếp lên bậc 7 là bậc thành đạo.

Theo kinh Dịch, số 7 là số thiếu dương. Tượng của nó là người trai lớn (trưởng nam), được kết hợp bởi số 3, đạo trời và số 4 "đạo đất". Đầy đủ tư cách đạo NGƯỜI. Người trai lớn thay cha mà hành đạo.

["Về hào từ của quẻ "Phục", kinh Dịch có viết: "Phản phục kỳ đạo, thất nhật lai phục, thiên hành dã. . . Phục, kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ!" (Phản phục là đạo, bảy ngày lại trở lại. Đó là sự vận hành của trời). Bảy ngày (số 7) ám chỉ thời thứ 7, bắt đầu phục sinh ở sơ hào quẻ Phục: [(Lời chú thêm của người đánh máy - Thái Việt)].

Chớp bể mưa nguồn là hiện tượng của tự nhiên vận động. *Chớp* là ánh lửa, chỉ về phía Đông Nam, lửa sinh ra từ phương Nam. Tượng của lửa là quẻ "ly" thuộc dương (đạo Trời), hướng Nam cung Ngọ. Đối lại "*mưa nguồn*": mưa là nước, nước sinh ra từ phương Bắc. Tượng của nước là quẻ "khảm" thuộc âm (đạo Đất), phương Bắc cung Tý. Đầy đủ thành phần trong guồng máy hóa (hóa cơ) của vũ trụ vận động, xoay vần không ngừng, "*Nam bắc không ngừng xoay tý, ngộ*". Nói đạo trời đất xoay vần không ngơi nghỉ, và tràn đầy khắp

nơi mọi miền.

“Chớp bể mưa nguồn kéo khắp miền”.

Trong lẽ biến hóa của tự nhiên vận động, con người tùy thiên lý lưu hành mà ứng tiến hóa là phù hợp với vũ trụ tự nhiên. Tắm mưa gội nắng có nghĩa là thấm nhuần được lẽ trời. Khi đã hòa đồng được với thiên lý thì có ngại gì sự truân chuyên!

“Sá chi tắm gội, sá truân chuyên”.

Biết để nắm vững được thời cơ mà hành động kịp thời theo đà chuyển hóa của vũ trụ như thế là tiến bộ. Trong lúc tiến như thế có khi bỏ lại sau tất cả những cái gì ở đời có tính cách cố định trì-trệ đã trở nên lạc hậu lỗi thời thuộc loại lý luận giáo điều là những sản phẩm của bút nghiên đèn sách, đều là những thứ sai lạc của cả mọi phía mọi thời, kim cổ hay đông tây đều trở nên hão huyền cả. *“Bút nghiên đèn sách đều sai lạc, Kim cổ Đông Tây cũng hão huyền”.* Đúng vậy, nếu cứ chấp vào sắc tướng thì ắt phải xa rời đạo.

Phật thuyết pháp trong 49 năm mà có lúc Phật nói rằng: *“Ta có nói gì đâu, ta không nói gì cả”.* Phật nói: *“Ta thuyết pháp ví như cái bè, pháp còn nên bỏ, huống chi không pháp”.* Phật lại nói: *“Các người hãy thả lấy đuốc mà đi”.* Tất cả những điều Phật dạy trên đây đã chứng minh cho câu:

“Bút nghiên đèn sách đều sai lạc” là đúng.

Và lại, bút nghiên đèn sách từ kim cổ đông tây chỉ là những sắc tướng, những sự vật nằm trong lẽ vô thường; chấp vào đó dễ trở nên sai lạc, tin vào đó cũng dễ mà thấy được là hão huyền. Nhất là về quá khứ của dân tộc ta, trước âm mưu đồng hóa từ phương Bắc. Cần biết tìm lấy sự thực từ chấp nối “lửa với hương” để hiểu được những gì cổ nhân muốn nhắn gửi chúng ta. Nếu biết được ý nghĩa lửa với hương trong lẽ *“ba sinh hương lửa”* của đạo làm người mà tìm chấp nối, thực hiện nhiệm vụ nối dõi sự nghiệp dĩ vãng của tiền nhân và mở mang giếng mối tương lai cho con cháu, xây dựng công đức bằng vàng bia đá để trao truyền về muôn thuở. Hơn nữa vẫn mình nghĩ ra còn phải làm nhiều việc. Kể cả việc *đem cả muôn loài lên duy nhiên* để cùng vũ trụ hòa hợp trong đạo “đồng nhất thể”.

D. Bình Luận

Đọc thơ *Đạo Trường Ngâm*, suy ngẫm tìm hiểu, tôi có cảm nghĩ: Phải chăng đây cũng là một bài “pháp” có giá trị ngang bài “pháp” của Phật Thích Ca thuyết giảng ở đại hội Liên Hoa dành riêng cho chư vị Bồ Tát, đồ đệ cao cấp nhất của Phật với đề tài thượng thặng của đạo “Khất Thừa”.

Đăng này, thơ *Đạo Trường Ngâm* giảng thuyết về đạo “Tam Tài”. Khất thừa hay tam tài, lời nói tuy có khác, nhưng đạo vẫn là đạo. Cái đặc tính vi diệu của pháp cũng như đặc tính tuyệt đối của chân lý giống hệt nhau. Khất thừa: thể là một, dụng là ba; Tam tài: dụng là ba mà thể là một. Nói “chân không diệu hữu” chẳng qua cũng ở trong cái vòng pháp luân không đáy sinh ra con người.

Ở đây trong bài “*Đạo Trường Ngâm*”, người thuyết pháp dùng những tiếng mới hơn để thuyết minh đạo “Tam Tài”. Đưa ra một vũ trụ quan quán triệt và sáng sủa hơn để nói lên ý nghĩa của chữ “*Thiên thượng địa hạ*”. Đưa ra một nhân sinh quan hoàn hảo hơn, dùng chữ “*duy nhân*”, “*nhân chủ*” để nói lên ý nghĩa của chữ “*duy ngã độc tôn*”, chung quy cũng là nói cái đạo “làm người” ở giữa đạo Trời và đạo Đất vậy.

Từ vòng vô nguyên tự nhiên đến một khoá động cả ba ngàn trời, trong cái thể một đóng một mở. Đó là cái cơ biến hóa chủ đạo. Từ những hiện tượng: một dòng nước cuốn làm cho bên lở bên bồi. Đó là những nút biến dịch của đạo. Cho dù cả Đông Tây từ cổ chí kim cũng không thể lọt ra ngoài cái lẽ huyền vi ấy. Bởi thế mà trong khoảng vũ trụ huyền hoàng (đạo trời) đã nảy sinh ra mỗi Lạc Âu (đạo người). Ví đem mà gỡ chài ra từ bao giờ đến bây giờ. Từ thuở bơn cát ngàn tre Văn Làng đất nước, kể đã biết bao nhiêu công trị loạn, ghi đầy nét vàng son trên giải lụa cầu tre, và cũng đã biết bao nhiêu xương máu, nước mắt, mồ hôi kết tụ nên tình thương yêu nòi giống. Chung đúc nên những khối óc con tim, mà nắng mưa trong thiên hạ làm trần trở tắc lòng xuân thu!

Tác giả “*Đạo Trường Ngâm*” muốn đem cái tự giác của mình mà phổ biến giác tha; lấy cái biết để làm, làm đúng như cái biết đã biết cho giác hành viên mãn. Tấm lòng xuân thu lại một lần nữa tự hỏi: “Bởi vì vị hay bởi xuân thu bởi vị vì”? Và đã xác định một cách cương quyết là “vì” cương “vị” của mình đứng giữa trời đất, sống trong dòng sống sử của mỗi Lạc Âu, nên phải “vì” đời mà tìm ra lẽ đời, tức là lẽ sống ở đời, “vì” ý nghĩa “ba sinh” mà hồn mộng đặt ở đôi nơi, lo chấp nối việc *kế vãng* và *khai lai* làm tròn nhiệm vụ “lửa hương”. Xây dựng công đức để bằng vàng bia đá trao truyền về tương lai muôn thuở.

Lại nữa: Việc xây dựng văn minh còn phải tiếp tục nhiều công việc kể cả việc đem cả muôn loài lên duy nhiên cho đồng nhất thể với đạo.

Người thuyết pháp bắt đầu nói: “*Một vòng không đáy*” (duy nhiên), cuối cùng lại nói “*Đem cả muôn loài lên duy nhiên*”. Thế là đã hòa nhập, đưa tất cả lẽ đạo trước sau vào trong một cái vòng xoáy đi lên huyền diệu. Đó là vòng trong, còn vòng ngoài tức là cái vòng bố cục của bài pháp.

Bài pháp gồm bảy (7) đoạn thơ nối tiếp nhau, trong một vòng liên hoàn thật khít khao bằng cách: lấy hai, ba chữ ở cuối câu trên đặt xuống làm đầu cho câu thơ đoạn dưới, nối hai đoạn liền nhau cả 7 đoạn thành một thể nhất quán. Cuối đoạn 7, hai chữ “*duy nhiên*” là nghĩa của cái vòng không đáy ở đầu câu trên cùng móc lại với nhau thành một vòng lớn, ý nghĩa tròn đầy trong một khối tự nhiên.

Tuy nhiên, không phải chỉ có cái thể liên hoàn bằng từ ngữ cấu trúc bề ngoài mà thôi đâu; ở trong ý thơ còn có cái liên hoàn thần kỳ hơn nữa. Thí dụ: Đoạn một (1) nói cái vòng không đáy, duy nhiên là đạo trời; Đưa xuống đầu đoạn ba chữ “*Ba ngàn trời*” để mà nói cái đám bụi trần ai đục ngầu ở dưới trần thế, ấy là nói đạo Đất.

Cuối đoạn hai (2) là câu: “*Vũ trụ huyền hoàng mỗi Lạc Âu*”. Đem ba chữ “*mỗi Lạc Âu*” làm đầu cho câu trên cùng của đoạn ba. Thế là “*mỗi Lạc Âu*” được sinh ra từ vũ trụ huyền hoàng, đạo người được sinh ra từ đạo trời đất.

Ba đoạn thơ trên đây đã liên tiếp nói về: Đạo trời – Đạo Đất – Đạo người (Tam tài). Tiếp theo là đoạn bốn, đoạn này được nảy ra từ cái mầm mưa nắng ở cuối đoạn ba đem xuống. Câu đầu là “*Nắng mưa tâm sự ở trên đời*” - Nắng là núi lửa của thái dương, lửa ở phương Nam, quẻ “*ly*” – Mưa là nước ở phương Bắc, quẻ “*khảm*” – Đồng China, đạo nghĩa của quân lợm khẩu là đạo nghĩa phương Đông (Tàu) - Máy Pháp Lan là nhân quyền phương Tây.

Đoạn bốn là tứ tượng, nói các hiện tượng từ Đông, Tây, Nam, Bắc.

Đoạn năm là tượng của “*ngũ hành*”. Số 5 là số giữa của gậy thần, con số trung ương hoàng cực của Lạc Thư, đến đây để tóm thâu tất cả các tinh hoa của tam tài chung đúc lại mà dồn vào trong đoạn 6.

Đoạn sáu là nơi triển khai công trình tìm lẽ đời của tác giả, là tụ điểm tinh hoa của toàn bài *Đạo Trường Ngâm* tức là nguồn sáng tạo. “*Lập tâm cho trời đất, lập mệnh cho nhân sinh, kế vãng khai lai*” để trao truyền vàng đá, để tiến lên số 7 là “*hóa đạo*”. Ý nghĩa quan trọng của số 6 theo kinh Dịch giải

thích: "Gồm tam tài gấp đôi lên là sáu; số 6 không có cái gì khác hơn là đạo Tam Tài". (*Kiên tam tài nhi lưỡng yên cố lục; Lục giả phi tha, tam tài chi đạo dã*).

Đoạn bảy (số 7 là số hóa đạo): Tại sao tác giả lại dùng 7 đoạn thơ trong bài *Đạo Trường Ngâm* để thuyết pháp? Cố nhiên nó có một lý do huyền diệu mà sức hiểu biết của mình rất nông cạn khó đạt được phần quan trọng ấy. Chỉ biết số 7 là số thành đạo của Phật Thích Ca. Thời gian thiền định dưới gốc bồ đề, số 7 triển khai tu chứng, ngộ đạo. Sau khi thành đạo, Phật đứng lên đi thuyết pháp giác ngộ chúng sinh trong 49 năm. Số 49 là tích số của số 7 nhân lên với chính nó.

Sức huyền diệu của số 7 không phải chỉ riêng ở đạo Phật. Chúa thì: Đứcchúa Trời đã dựng nên trời đất, dựng nên muôn vật, dựng nên loài người và dựng nên Đạo trong vòng 7 ngày. Cho nên Ky Tô lịch lấy 7 ngày làm một tuần lễ. Theo Kinh Dịch, số 7 là số của thiếu dương kết hợp bởi số 3 (trời) + số 4 (đất). Theo quan niệm của nhà dưỡng sinh người Nhật (Ô Sa Ca) thì cơ thể con người có 7 nấc, tiến triển từ thấp lên cao. Thấp từ số 1 lên đến số 6 chuyển lên số 7 là "hóa". Đúng với ý nghĩa triết tự của chữ "hóa" () gồm chữ nhân (người) đứng bên chữ thất (số 7) nghĩa là hóa đạo.

Ở một chỗ khác, tác giả đã viết: "*Y bát trao truyền vận thất khai*". Cho đến đây, tác giả lại dùng 7 đoạn thơ để khai triển lễ đạo, và cuối cuộc, câu thơ đoạn 7 như chúng ta đã đọc: "*Đưa cả muôn loài lên duy nhiên*". Thế là cả vạn vật hòa nhập vào cùng nhất thể. Huyền diệu thay lòng đạo!!!

PHỤ LỤC

Gậy Thần và Sách Ước

A. Về Truyền thuyết: Bà Man Thi (?)

Một hôm đi ra rừng thấy một trẻ sơ sinh nằm trên lá, được chim sẻ và hồ cho bú. Bà mang về nuôi, đặt tên là Kỳ Mệnh. Lớn lên, mẹ nuôi già yếu liền ra rừng hàng ngày hái củi về bán lấy tiền nuôi mẹ cho tròn hiếu nghĩa. Một hôm ra rừng đốn củi, thấy một cây gỗ to, cành lá rườm rà, ước được nhiều củi liền quyết định hạ. Lấy rìu đốn gốc, suốt cả ngày, cây gần đứt thì trời tối. Kỳ Mệnh bỏ về nhà, định hôm sau ra chặt nốt. Hôm sau ra thấy cây liền gốc như cũ, Kỳ Mệnh lại chặt lần nữa; ngày tàn mà cây chưa đứt hẳn. Lại bỏ về như hôm trước. Song ngày hôm sau ra vẫn thấy cây liền gốc như cũ. Rất lấy làm lạ

mà trời lại tối quá, bèn tìm đến hốc đá gần cây nằm nghỉ đợi sáng ra tiếp tục công việc dở dang. Nửa đêm thấy một bà già, tóc bạc phơ, y phục như sương tuyết, cầm một cây gậy chỉ vào chỗ cây đã chặt. Bà đi quanh gốc cây, chỉ đến đâu cây lành đến đó, Kỳ Mệnh bèn chạy ra níu lấy vạt áo bắt đền: “Tôi nhà nghèo phải đốn củi bán nuôi mẹ, đã mấy ngày chặt cây không xong vì Bà đã ngăn trở tôi, mẹ con tôi sẽ đói, xin đền trả công” – “Cây này là nơi ta trú ngụ. Ban ngày ta đi chơi, tối về thấy bị phá. Ta biết đâu là con muốn chặt. Con là người hiếu nghĩa lại kiên tâm trì chí và thông minh. Ta cho con cây gậy này, con có thể dùng vào nhiều việc vừa cứu đời vừa nuôi mẹ, nuôi thân được.”

“Gậy có đầu đỏ là đầu sinh, chỉ đầu sinh vào vật nào mới chết và bệnh tật, có thể làm vật đó sống lại hay khỏi bệnh. Gậy cũng có đầu đen là đầu tử, điểm tới có thể làm cho kẻ ác đau khổ hay tiêu tán. Ta cho con là Nguyễn Thông, con khá dùng cây gậy này cho có ích.”

Khẩu đầu làm lễ tạ ơn. Nhận gậy rồi Nguyễn Thông về. Giữa đường thấy một con rắn nước trắng mà kẻ chăn trâu mới đánh chết. Nguyễn Thông bèn lấy gậy ra dùng để thử nghiệm. Đem đầu gậy đỏ đặt lên đầu rắn, rồi rà đến tận đuôi, con rắn lành vết thương ngay, thở được mà sống lại. Ngóc đầu nhìn người cứu nạn, rồi vội trườn mình xuống suối bơi đi mất dạng. Nguyễn Thông mừng thấy gậy có linh nghiệm. Ra về, và từ ngày đó dùng gậy để chữa bệnh cho dân làng, để săn thú rừng, phá ruộng rẫy, nhờ đó mà mẹ con sống ung dung đầy đủ.

Rồi một sớm kia, có đoàn người rất đông đi vào phía lều mẹ con Nguyễn Thông đang ở. Người đi đầu là một chàng trai quần áo trắng lóa như dát bạc. Mũ cẩm ngọc, da ngăm ngăm màu nước, môi thắm sắc san hô và mắt long lanh tia sáng nhanh như lửa chớp. Chàng ta bảo tùy tùng đứng xếp một hàng ngoài ngõ, tiến vào trước mặt Nguyễn Thông tự giới thiệu: “Tôi là con trai út Long vương, đi chơi quá bước lên trên cạn, chẳng may gặp nạn đến chết, may nhờ anh ra tay cứu mạng. Trình với vua cha, người cho tôi mang chút ít lễ vật tới tạ ơn anh cùng kính biểu mẹ già. Người lại có ý mời anh xuống thăm thủy phủ để người được gặp mặt, để biết bậc anh tài.”

Nói rồi hoàng tử Long phủ ra lệnh cho bọn người dẫn lễ vật vào, mở nắp quả ra bày lên chõng tre. Từ những quả đó thoảng bay mùi long duyên hương với các vị thuốc quý, trân châu, san hô, sáng lóa cả nhà. Vị hoàng tử giới thiệu từng món. Với các công dụng và giá trị diệu kỳ. Kỳ Mệnh từ chối cho rằng công không xứng với của. Song hoàng tử ngắt lời: “Không phải thế! Đây mới chỉ là một phần nhỏ để đền ơn trong muôn một vì anh đã cứu nhiều người trần thế mà không bao giờ nghĩ đến công lao. Những vật này có thể trước là giúp mẹ

già có được đủ thứ cần thiết khi anh đi thăm thủy phủ mà vắng nhà. Sau là giúp anh có đủ phương tiện cứu đời. Đức Long vương còn muốn tặng anh nhiều thứ quý nữa. Nhưng anh nên nhớ trước mặt người, anh chỉ nên xin quyển sách không có chữ nào. Anh mới là người xứng đáng dùng quyển sách đó. Nay anh xin phép mẹ già và gấp thu xếp việc nhà, ta vội vã đi kéo muện. Nguyễn Thông đành cúi nhận cả phẩm vật lẫn lời mời. Xếp vội việc nhà, xin phép mẹ và xách gậy ra đi theo hoàng tử Long cung. Gió cuốn mây bay đưa đoàn người đi nhanh. Tới biển Đông, hoàng tử dang tay rạch nước ra làm đôi, tạo nên một con đường đi xuống phủ Long vương. Được một quãng đã thấy cá voi, cá mập chờ sẵn, mỗi người ngồi trên lưng mà đi sau những loại cá màu sắc lộng lẫy tỏa ánh sáng ngời, mỗi bước đi là gặp một điều mới mẻ lạ lùng thích thú đến say mê, Nguyễn Thông không hết lời khen ngợi.

Đến Long phủ, Nguyễn Thông đã thấy đức Long vương đứng chờ sẵn nơi thềm ngọc, áo mão huy hoàng. Theo lời giới thiệu của hoàng tử tiểu vương, Nguyễn Thông làm lễ triều kiến. Sau đó đức Long vương ban yến và rất hài lòng về diện mạo và đức độ của Nguyễn Thông.

Long vương cho phép chàng tự do đi du ngoạn khắp nơi thủy cung và muốn lấy gì cứ việc tự tiện... Nhận Nguyễn Thông là con, và đặt tên là Nguyễn Tuấn. Tuy vui, nhưng ở lâu nơi thủy cung Nguyễn Tuấn nhớ mẹ, nhớ dương gian nên xin phép trở về. Long vương bằng lòng và thấy Nguyễn Tuấn trở về tay không liền hỏi: "Thủy phủ của ta không có gì đáng cho người vừa ý mà lấy hay sao?"

Thấy vẻ mặt Long vương nghiêm nghị và lời nói có vẻ trách móc, Nguyễn Tuấn quì thưa: "Con thấy cái gì nơi thủy phủ cũng rất đẹp, rất quý. Song sức không sao lấy mang đi hết được, nên con chỉ ước sao được quyển sách lụa bạch đặt nơi bàn thờ ở hậu cung, nhưng sợ không dám lấy, mà cũng không dám xin, e làm phật ý vương phụ." Sau một hồi suy nghĩ, Long vương mỉm cười: "Đó là quyển sách ước vốn không có chữ, song ai lòng trong, dạ sạch, trí sáng mà dốc sức nguyện cầu thì muốn gì được nấy. Sách không có đầu có đuôi, nhưng gồm 5 (năm) trang (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Con thông minh đức độ, đủ sức gìn giữ và xứng đáng được dùng sách ấy. Ta bằng lòng cho con, nhưng ta phải giữ lại tờ hành "thủy" cho con út của ta, mà cũng là em là bạn của con. Nguyễn Thông! Con khá dùng quyển sách này cho tốt". Nói xong bày hương án làm lễ rồi tự tay Long vương cầm ban cho Nguyễn Tuấn. Tay cầm gậy, tay cầm sách, Nguyễn Tuấn cảm tạ Long vương, theo chân hoàng tử Long hầu đưa tiễn. Cả hai leo lên lưng cá voi ngồi mà trở về trần thế.

Một hôm để thử xem quyển sách linh ứng ra sao, Nguyễn Tuấn tắm gội trai giới rồi để sách trước mặt, đặt tay lên mà dốc lòng khẩn cầu: Ước gì có một cánh rừng ngay gần nhà. Vừa ước nguyện vừa lật trang sách và đến một trang thì không đỡ thêm nữa, tiếp theo đó đất rung, núi chuyển và một cánh rừng rậm rạp phủ quanh nhà. Vừa sợ hãi vừa mừng vui, Nguyễn Tuấn định đi xem xét thì thấy khu rừng bít cả lối đi, bèn trở vào ngồi tĩnh trí đặt tay lên sách mà ước: Ước gì có lửa đốt hết cây trên đường đi ra sông để lấy nước, tay giở sách đến một trang ắt là trang thuộc *hỏa*, tức thì lại không đỡ được nữa, mà lửa bùng bùng nổi lên đốt cháy cây cỏ để lộ đường đi rộng lớn đến bờ sông. Từ đó biết dùng sách ước, gậy thần, Nguyễn Tuấn ngày ngày đi hành đạo cứu dân độ thế.

ĐỌC HUYỀN THOẠI, THỨC GIẢ THẤY RẰNG:

A. Về nhân vật:

1- Nhân vật chính thay đổi tên theo thể sống: Lúc đầu không biết từ đâu đến, vô danh, sống giữa thiên nhiên, hòa với thiên nhiên đến nỗi chim vui cây che chở, thú rừng nuôi nấng. Khi vào xã hội người mới định phận và hữu danh, mà danh lại thay đổi mấy lần theo thể sống. Song danh đã biểu tượng rõ bản chất NGƯỜI, khác người thường: Một đời sống lạ: Kỳ Mệnh, một người trí hiểu biết đến thông được với thần; Nguyễn Thông, một người tài xuất chúng, ngang thần thánh; Nguyễn Tuấn dù với danh nào Nguyễn Tuấn vẫn đứng trên căn bản NGƯỜI mà hành xử giữa thể nhân với thể nhân (nhân bản, nhân chủ) gặp tiên với bao vật lạ, vẫn giữ thể NGƯỜI mà bắt đền công không sợ. Gặp thánh (Long vương) với bao nhiêu giàu sang vẫn giữ thể sống của con NGƯỜI, không quá mê tham mà vong bản thể trần. Gậy thần, sách ước trong tay sử dụng mà không lạm dụng, làm chủ nơi mình mà nên vô kỷ. Giúp đỡ mà không kể ơn ấy là vô công, đi hay về nhẹ nhàng không lưu luyến, không gập vội như một bóng vô danh.

2- Tiên tự hiện hữu ở lẫn thiên nhiên. Tiên vốn có phép màu nhiệm, cây đã dẫn mà còn làm cho lành, lấy trí mà thử thách, lấy tình mà điều khiển. Biết rõ người tài đức thì trao cho gậy thần, chỉ bảo cách dùng êm đềm mà người gan dạ cũng tuân theo. Phép màu của Tiên đã cho cả Rồng sống lại. Thế ra Rồng tùy thuộc vào Tiên vậy.

3- Long vương vốn tự hiện hữu, vốn hữu vi mà vô vi, mỗi việc mỗi suy xét dẫn đo. Song suy xét dẫn đo và làm tự nhiên như nhiên, của cải giàu có là do thu vén xếp đặt mà có cung điện, có kẻ phục tùng, tuy thế chính bản thân còn phải quý trọng. Sách ước mà chỉ trao cho NGƯỜI có đủ bản lĩnh sử

dụng. Người đã biến chết ra sống được. Song khi trao sách lưu trang “thủy” tại sao? Tôi chưa hiểu được.

B. Về tư tưởng:

1- Tổng Quát: Cả câu truyện xây dựng trên tư tưởng âm dương học căn bản của Kinh Dịch. Âm dương là bản thể của vũ trụ. Thời vị là điều kiện thiết yếu cho âm dương vận động; luật tương sinh, tương khắc với ngũ hành, tương quan, tương đối là điều kiện đầy đủ để âm dương sinh thành vạn vật. Âm dương vốn là hai khí, nói theo ngôn từ bây giờ là hai nguyên động lực tương quan, tương đối, tương thôi, tương phản, tương sinh, tương khắc mà cũng bị tương hòa, tương hợp. Khi nào âm dương tương đối, cân bằng thì hòa hợp mà yên bình. Khi nào âm dương tương thôi, tương khắc mà chênh lệch thì ly loạn. Khi thì trong dương cũng có âm và ngược lại trong âm cũng có dương. Dương lấn âm thì bày rõ ra, âm lấn dương thì chìm lẫn đi vào sâu kín.

2- Chi Tiết: Câu chuyện tỏ rõ những điều vươn lên cao, bày tỏ rõ ra, thuộc tượng dương là nơi bà Tiên thuộc tượng âm trú ngụ. Ấy là dương hàm âm. Bà Tiên ngày đi xa vắng, đêm mới hiển hiện. Đêm thuộc thái âm, hàm tráng âm, lực âm đang thời hoạt động mạnh. Bà Tiên thuộc âm có gậy thần thuộc thiếu dương, cái mầm của hoạt động tương lai. Gậy thần theo truyện có hai đầu, đầu sinh thuộc dương và đầu tử thuộc âm. Cũng theo truyền thuyết, gậy thần gồm chín đốt. Người điều khiển gậy thần nắm đốt giữa để có sự cân bằng tương đối. Như thế mới làm chủ được luật tương sinh, tương khắc, tức là sự hiệu nghiệm, của sức mạnh, của hành sự ngụ trong gậy đó. Như thế gậy thần khi ở thể tĩnh là một thể nhất quán thuộc thiếu dương. Khi ở thể động thì gồm hai phần: tráng âm tráng dương, tương đối cân bằng sẵn sàng đi vào hành động. Khi tác động thì sức lực của cả chín (9) đốt dồn vào có một (1) đốt để hoặc tương thôi, tương hợp hay tương phản mà chế hóa lẫn nhau theo như ý của người cầm gậy.

PHỤ THÊM ĐỂ CHẤT CHÍNH

Vấn bản khoản giữa hai điều của bản chất Gậy Thần và cách xếp của 9 đốt:

(học ít biết nông xin ghi lại để mong có ai chỉ dẫn thêm)

Hoặc theo ngũ hành

	Hỏa	Mộc	Thủy	Kim	Thổ	Hỏa	Mộc	Thủy	Kim
<i>Tử</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Sinh</i>	9	8	7	6	5	4	3	2	1

Hoặc theo biện chứng

	Sinh	Hòa	Củng	Hợp	Trung	Xung	Hình	Bại	Khắc
<i>Sinh</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Tử</i>	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Như thế thì Gậy Thần là

- Linh tượng của hành động hay là lý thuyết của hành động, vừa phá hoại vừa xây dựng. Biểu tượng sức mạnh của "vũ", "Giết một người cứu muôn người".
- Linh vật của Tiên cấp cho người dùng. Vậ từ Tiên mà ra, do Tiên mà có; Tráng âm hoàn Thiên dương.
- Biểu thể của hèm Rộng (hay ý niệm "Nguyệt Quật" trong văn hóa Đông Phương).

Nước thấm sâu xuống, thấu gồm lại mềm tối, thuộc tượng âm là nơi Long vương thuộc tượng dương ở. Ấy là âm hàm dương. Vậ Tiểu Long đón Nguyễn Thông đi ban ngày, ngày thuộc thái dương, Long vương thuộc tráng dương đang thời hành động mạnh.

Long vương có sách ước, định dành cho Long tử. Như thế sách ước là của Long tử thuộc thiếu dương mà ấm thái âm (sách ước) thì không được, nên sách ước mới về tay khác. Sách ước ở thể tĩnh thu nhỏ lại là thiếu âm, để trong hậu cung tằm tối của cung điện Long vương thuộc tráng âm, giữa biển nước thuộc thái âm: đồng tính nên hòa nhưng bất động.

Tiểu Long xui Nguyễn Thông xin, Long vương tặng Nguyễn Thông sách,
21

Nguyễn Thông mang về dương thế để cho linh động trong hành xử. Thế là thiếu âm tác động vào thái âm để thái âm chuyển sang dương, "*Cực âm biến vi dương vậy*".

Sách ước có 5 tờ không chữ, không đầu, không cuối. Mỗi tờ tượng trưng cho một hành, gồm nên năm (5) hành lại là bản chất của vạn vật và của trời đất. Vậy sách ước là tượng trưng cho bản thể của trời đất (hay âm dương hoặc vũ trụ) ấy là nguyên động lực sinh ra ngũ hành. Gồm cả 5 hành làm một, hành nào cũng có giá trị như nhau. Người sử dụng sách ước phải có ý nguyện vững chắc mới điều hành sách ước ứng theo ý. Như thế người phải làm chủ được mình - "*nhân chủ*" - mới thấy được nhân sinh hòa với vũ trụ làm một, như thế thì sách ước:

- Linh tượng của lý thuyết, lý thuyết thuần lý, động thì biến hóa, sinh thành vạn vật, gồm cả 2 lực âm dương, cả 5 chất liệu ngũ hành – Biểu tượng sức linh động thông hoạt của "văn".

- Linh vật của Rộng cho người. Vậy từ Rộng mà có: Trong dương có âm – Biến thể của Tiên (hay là ý niệm thiên căn). Nguyễn Thông vốn là con người không biết từ đâu mà có, chỉ biết "hiện hữu" ngay giữa thiên nhiên, do thiên nhiên "sinh và thành". Người có đức và do đó Thông được thần tiên và rộng đều cảm thông, hiểu biết tin cậy, mà trao cho gậy thần, sách ước.

- Người sử dụng cả lý thuyết của sách và hành động của gậy. Tự nâng mình lên ngang hàng với Trời Đất. Cho nên người Nguyễn Tuấn được mọi người tôn làm thánh, thần, vương - Thánh Tản Viên.

- Chỉ tiếc rằng Long vương còn giữ tờ "thủy" lại cho Tiểu Long, nên Nguyễn Tuấn không có "nước" mà cai trị. Trong khi chờ đợi, "nước" đi ra bể lại mưa về nguồn, ông đành làm Thánh vậy./.